

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



BÙI THỊ HẢI YẾN

**PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI
TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

QUẢNG TRỊ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Hà Thị Mai Hiền**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của Luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn	7
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI.....	7
1.1. Khái quát hoạt động thương mại và hòa giải trong hoạt động thương mại	7
1.1.1. Khái niệm hoạt động thương mại và tranh chấp thương mại	7
1.1.2. Khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại.....	8
1.1.3. Vị trí của hòa giải trong hoạt động thương mại	9
1.2. Hoà giải trong hoạt động thương mại – phương thức giải quyết tranh chấp thương mại.....	10
1.2.1. Khái niệm hoà giải trong hoạt động thương mại	10
1.2.2. Ý nghĩa của việc hoà giải trong hoạt động thương mại	10
1.3 Khái niệm, nội dung pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại.....	11
1.3.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải thương mại	11
1.3.2. Nội dung và cấu trúc pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại.....	11
Kết luận chương 1	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM.....	13
2.1. Thực trạng pháp luật về hoà giải trong hoạt động thương mại	13
2.1.1 Hòa giải trong tố tụng	13
2.1.1.1 Quy định pháp luật về hòa giải trong tố tụng tòa án (Các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ Điều 205- Điều 213).....	13
2.1.1.2. Quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài.....	13
2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về phương thức hoà giải tranh chấp thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP như sau:.....	13
2.1.2.1. Phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại.....	13
2.1.2.2. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại	14
2.1.2.3. Địa vị pháp lý của chủ thể hòa giải thương mại	14

2.1.2.4. Trình tự, thủ tục hoà giải thương mại làm cơ sở để các bên tranh chấp, hoà giải viên thương mại tiến hành giải quyết tranh chấp	14
2.1.2.5. Kết quả hòa giải tranh chấp thương mại	14
2.1.3. Nguyên tắc hoà giải tranh chấp thương mại.....	14
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về phương thức hoà giải tranh chấp thương mại	15
2.2.1. Những kết quả đạt được	15
2.2.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật về hoà giải tranh chấp thương mại và nguyên nhân.....	15
Kết luận chương 2	16
Chương 3. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC HÒA GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM	17
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phương thức hòa giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam	17
3.1.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về tiêu chuẩn hòa giải viên	17
3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về công nhận hoà giải viên thương mại.....	17
3.1.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi bảo mật trong hòa giải thương mại	17
3.1.4. Quy định cụ thể trình tự thủ tục hòa giải.....	18
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phương thức hòa giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam.....	18
3.2.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ hoà giải viên đạt chuẩn về số lượng và chất lượng.....	18
3.2.2. Tăng khả năng tiếp cận hoà giải các tranh chấp kinh doanh thương mại	18
3.2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về hòa giải thương mại hiện nay	18
3.2.4. Tổ chức các cuộc thi tuyên truyền pháp luật về hòa giải thương mại.....	19
Kết luận chương 3	20
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, Việt Nam đang trên đà phát triển kinh tế và hội nhập sâu rộng. Với việc là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTTP, EVFTA với những mức cam kết toàn diện, Việt Nam đang cùng chung sân chơi với các nước phát triển trên toàn cầu. Vì vậy, Nhà nước ta đang nỗ lực tạo lập một nền kinh tế năng động và hiện đại, rà soát và bổ sung hệ thống pháp luật để đảm bảo tương thích với sự phát triển và hội nhập ấy. Mà một trong số đó là việc quan tâm phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại hiện đại như Trọng tài hay hoà giải thương mại. Chủ trương thúc đẩy việc sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án nhằm giảm tải cho hệ thống Tòa án, cũng như nhằm đa dạng hoá các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, đã được thể hiện rõ ở Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”.

Với sự gia tăng các hoạt động hợp tác kinh tế như vậy điều tất yếu đi kèm là việc xảy ra các xung đột, tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp sẽ diễn ra nhiều hơn và diễn biến phức tạp hơn. Thông thường khi có tranh chấp thương mại xảy ra các bên sẽ tiến hành đàm phán, thương lượng, hòa giải với nhau trước khi buộc phải mang ra Trọng tài, Tòa án để giải quyết tranh chấp. Mỗi phương thức đều có những đặc điểm phù hợp riêng với từng vụ việc cần giải quyết. Trong các phương thức trên thì phương thức hòa giải rất được ưa chuộng đối với những nền kinh tế phát triển trên thế giới vì những lợi ích, ưu điểm mà nó đem lại như tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm sự căng thẳng, đối đầu nhau giữa các bên... Tuy nhiên phương thức này còn khá mới mẻ, chưa phổ biến ở nước ta do chưa được pháp luật thừa nhận và hỗ trợ. Nhận thức thực trạng này cũng như nhằm khuyến khích phương thức giải quyết tranh chấp thay thế để phù hợp với thông lệ quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài trong bối cảnh các tranh chấp thương mại, kinh tế ngày càng gia tăng, gần đây nhất, ngày 24/2/2017 Chính phủ đã ban hành Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoạt động hòa

giải thương mại. Việc quyết tranh chấp giữa các bên, hạn chế tối đa việc giải quyết tại Trọng tài hay Tòa án. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn phương thức hoà giải được linh hoạt, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam cũng rất quan trọng. Với những lý do này, tác giả lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sỹ luật kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Tình hình nghiên cứu trong nước

1. Ngô Quốc Hoàng Long , luận văn cao học “Pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam”; Đại học Huế, Đại học luật, 2019; Trong công trình nghiên cứu này tác giả đã trình bày và phân tích các quy định hiện nay về hòa giải thương mại của Việt Nam

2. Nguyễn Bích Thảo, *Thế chế hòa giải ở Singapore* Tạp chí dân chủ và pháp luật số chuyên đề về Thế chế hòa giải 9/2014; Trong bài viết của mình tác giả đã nêu khái quát một cách có hệ thống các quy định về hòa giải thương mại hiện nay của Singapore qua đó rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam mình

3. Phan Thị Thanh Thủy (2016), *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý cần quan tâm*, Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội Legal Studies Vol 32 No.2; Trong bài báo này tác giả đã khái quát lại các quy định liên quan đến hòa giải thương mại của pháp luật Việt Nam được quy định trong BLDS, Luật thương mại, Luật Trọng Tài thương mại, BLTTDS.

4. “Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp” do GS.TS. Lê Hồng Hạnh làm chủ nhiệm (Viện Khoa học pháp lý, tháng 12/2010) trong tác phẩm này tác giả đã nghiên cứu các phương thức giải quyết tranh chấp bao gồm các phương thức như thương lượng, hoà giải và trọng tài trong các lĩnh vực dân sự nói chung. Chính vì lẽ đó, các nghiên cứu lý luận trong Đề tài mang tính khái quát, không hướng cụ thể vào từng phương thức giải quyết tranh chấp cụ thể. Trong phần phân loại và nhận diện các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp, hoà giải được phân tích như một biện pháp truyền thống để giải quyết các tranh chấp trong đời sống xã hội, nhưng quan niệm về hoà giải còn nhiều vấn đề chưa thống nhất.

5. “Hoà giải trong thương mại và phát triển phương thức hoà giải trong thương mại ở Việt Nam” trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (Số 10 (195), 5/2011), tác giả Lưu Hương Ly đã phân tích bản chất của phương thức hoà giải như sau: Hoà giải là quá trình các bên đàm phán với nhau về việc giải quyết tranh chấp với sự trợ giúp của một bên thứ ba độc lập và chỉ ra bốn nguyên tắc cơ bản của hoà giải: Tự nguyện, bí mật, hoà giải viên độc lập khách quan trong quá trình giải quyết tranh chấp, hoà giải không làm ảnh hưởng đến việc các bên sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp khác

6. “Hoà giải thương mại- Thực trạng hoạt động và xu hướng phát triển tại Việt Nam” trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật (Bộ Tư pháp, Số chuyên đề Pháp luật về hoà giải/2012), TS.Nguyễn Thị Minh ở công trình này tác giả chỉ ra xu thế tất yếu trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam hiện tại và tương lai – phương thức hòa giải

7. “Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế hiện nay ở nước ta và xu thế lựa chọn”, do PGS.TS. Dương Đăng Huệ làm chủ nhiệm đề tài. Với công trình nghiên cứu này tác giả đã so sánh tỷ và từ đó rút ra những ưu, nhược điểm... của từng phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế hiện nay.

Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1. “Alternative dispute resolution: A lawyer’s guide to mediation and others forms of dispute resolution” (Phương thức giải quyết tranh chấp thay thế: Hướng dẫn của luật sư đối với hoạt động hoà giải và các hình thức giải quyết tranh chấp khác) của tác giả Alexander Bevan (Nhà xuất bản Sweet&Maxwell, 1992) trong cuốn sách này Tác giả Alexander Bevan cũng chỉ ra những đặc trưng của hoà giải thương mại bao gồm các yếu tố: Tính tự nguyện, tính không ràng buộc, tính không phán xét, và tính bảo mật.

2. “Mediation Law and Practice” (Luật hoà giải và thực tiễn) của các tác giả David Spencer và Micheal Brogan (Nhà xuất bản Trường Đại học Cambridge, 2006) trong tác phẩm này tác giả chủ yếu so sánh và nêu ra những điểm giống và khác nhau của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải so với những phương pháp khác như thương lượng, trung gian... từ đó rút ra những điểm tương đồng và khác biệt, ưu và nhược điểm của các phương thức đó.

3. David Spencer và Michael Brogan trong cuốn “Mediation Law and Practice” (Luật hoà giải và thực tiễn) trong tác phẩm này hai tác giả chỉ bốn phương thức trong hòa giải thương mại hiện nay gồm: Hoà giải thoả thuận (settlement mediation), hoà giải tạo điều kiện thuận lợi (facilitative mediation), hoà giải chuyển đổi (transformative mediation) và hoà giải đánh giá (evaluative mediation); trong đó, hoà giải thoả thuận và hoà giải đánh giá là phù hợp với hoà giải các vụ tranh chấp thương mại.

Như vậy chúng ta có thể thấy sự đa dạng và phong phú trong tài liệu về hòa giải thương mại, trong phạm vi trong nước cũng như ngoài nước. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về hòa giải thương mại với tính chất là một chế định độc lập. Mặt khác, đa phần các nghiên cứu thường tiếp cận phương thức hòa giải thương mại từ góc độ luật thực định, trong khi có rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng cơ chế hòa giải thương mại đang cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ để cập nhật trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại nói riêng ở Việt Nam. Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu có đề cập đến hòa giải thương mại với tính chất là một chế định độc lập nhưng các nội dung nghiên cứu đó đều không còn tính thời sự, thiếu tính cập nhật, đặc biệt là trong bối cảnh một loạt các quy định mới của Bộ luật tố tụng dân sự đã có hiệu lực thi hành. Do vậy, trong Luận văn này, trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu trước đó, tác giả sẽ tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu vào các vấn đề, các khía cạnh còn bỏ ngỏ hoặc còn chưa được luận giải thấu đáo, đồng thời, phân tích, so sánh và cập nhật các quy định mới liên quan đến vấn đề này.

Từ đó, góp phần làm sáng tỏ và hoàn thiện hơn các vấn đề lý luận và thực tiễn của Đề tài dưới góc độ khoa học pháp lý. Việc nghiên cứu giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại bằng hòa giải là vấn đề cấp thiết được đặt ra để hoàn thiện hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của luận văn là:

Làm rõ cơ sở lý luận và pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại và đánh giá thực tiễn hòa giải trong hoạt động thương mại để từ đó góp phần luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống, nghiên cứu, đánh giá các quan điểm pháp lý về hoà giải thương mại, từ đó nêu được khái niệm, phân tích đặc điểm pháp lý của hoà giải thương mại, xác định các yếu tố chi phối pháp luật về hoà giải thương mại gắn với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, xác định hình thức và nội dung pháp luật về hoà giải thương mại;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoà giải thương mại, sử dụng phương pháp so sánh luật học để bình luận các quy định hiện hành của Việt Nam với một số nội dung nổi bật với pháp luật của một số quốc gia và quy định của Luật mẫu UNCITRAL về hoà giải thương mại quốc tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận văn

Đề tài tập trung vào nghiên cứu nội dung về lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại bằng hòa giải (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về Hòa giải thương mại).

Đối với phương thức hòa giải để giải quyết tranh chấp thì có hòa giải tư pháp tức là hòa giải gắn liền với hoạt động của Tòa án, Trọng tài (hay còn gọi là hòa giải trong tố tụng), hòa giải hành chính gắn với hoạt động của các cơ quan hành chính và hòa giải cơ sở mang tính xã hội đối với những tranh chấp nhỏ. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài thì tác giả tập trung nghiên cứu về hòa giải gắn với các tranh chấp trong hoạt động thương mại (hòa giải thương mại) trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới mà tác giả tiếp cận được.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

Về không gian, luận văn nghiên cứu pháp luật Việt Nam. Một số quy định pháp luật quốc tế, pháp luật của các quốc gia khác chỉ mang tính tham khảo và so sánh đánh giá nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật mẫu của Liên hợp quốc về hoà giải thương mại quốc tế (Luật mẫu UNCITRAL), pháp luật quốc gia của CHLB Đức, Úc, Singapore và một số quốc gia khác;

Về thời gian, luận văn nghiên cứu bối cảnh kinh tế- xã hội, pháp luật Việt Nam từ sau Đại hội Đảng VI (1986) đến nay, lấy trọng tâm vào thời kỳ hội nhập quốc tế.

Về nội dung, luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về hòa giải trong thương mại như: Luật thương mại 2005, luật Trọng tài thương mại và Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoạt động hòa giải thương mại có hiệu lực từ 15/04/2017....

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Dựa trên cơ sở thực tiễn, đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp lý luận biện chứng của Chủ Nghĩa Mác – Lê nin, cũng như đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà Nước về phát triển kinh tế đất nước khi tham gia hội nhập với nền kinh tế chung trên thế giới. Phương pháp luận duy vật biện chứng để tìm ra tính độc lập và sự liên quan giữa hoà giải thương mại với các phương thức giải quyết tranh chấp khác.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp hệ thống hoá, tổng hợp và phân tích các quan điểm pháp lý được sử dụng để giải quyết vấn đề lý luận về hoà giải thương mại.

Phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh luật học được sử dụng để bình luận thực trạng pháp luật về hoà giải thương mại.

Phương pháp diễn giải, quy nạp, dự báo để đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại ở Việt Nam.

Trong số các phương pháp trên, phương pháp hệ thống, phân tích và so sánh luật học được sử dụng chủ yếu và xuyên suốt hầu hết các nội dung của luận văn.

6. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của Luận văn

Với sự ra đời của các quy định mới lần đầu tiên được đưa vào hệ thống pháp luật Việt Nam, luận văn có ý nghĩa nghiên cứu cách tiếp cận mới so với các công trình nghiên cứu trước đây khi chưa có sự thay đổi của pháp luật. Luận văn đã đi sâu nghiên cứu những quy định tổng thể của pháp luật Việt Nam về hoạt động hòa giải các tranh chấp thương mại, làm sáng tỏ nguyên tắc, bản chất, phạm vi, trình tự, thủ tục hòa giải trong và ngoài tổ tụng. Trên cơ sở quy định của pháp luật, luận văn đã tìm hiểu việc áp dụng trên thực tế, hiệu quả cũng như

những tồn tại của các quy định này, đặc biệt là sự ra đời của việc công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án và luật hoá hoạt động hoà giải thương mại.

Từ những nghiên cứu này, Luận văn đã chỉ ra những bất cập trong các quy định pháp luật và đề xuất định hướng cũng như giải pháp hoàn thiện.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài Phần mở đầu, phần tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận văn được cơ cấu thành ba chương với các nội dung cụ thể sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận pháp luật về hoà giải trong hoạt động thương mại;

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoà giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phương thức hoà giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát hoạt động thương mại và hoà giải trong hoạt động thương mại

1.1.1. Khái niệm hoạt động thương mại và tranh chấp thương mại

Trước năm 2005 phạm vi hoạt động thương mại bao được xác định bao gồm việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục đích lợi nhuận hoặc nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội¹. Các mâu thuẫn, xung đột trong các hoạt động đó là các tranh chấp thương mại.

Khái niệm tranh chấp thương mại lần đầu tiên được quy định trong Luật Thương mại năm 1997. Tại Điều 238 Luật Thương mại quy định: Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện

¹ Luật Thương mại 1997, Điều 5.2

không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại. Như vậy, tranh chấp thương mại theo quy định tại Luật Thương mại 1997 có phạm vi rất hẹp, chỉ bao gồm các tranh chấp liên quan đến các hoạt động đã được liệt kê. Hay nói cách khác, các hoạt động khác dù nhằm mục đích sinh lợi cũng không được coi là hoạt động thương mại và do đó sẽ phải áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp khác.

1.1.2. Khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại

Giải quyết tranh chấp là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét và ra quyết định xử lý các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong vụ việc tranh chấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Thứ nhất, tranh chấp thương mại cần phải được giải quyết nhanh chóng, dứt khoát, tránh tình trạng kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các bên cũng như cơ quan giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp thương mại phải bảo vệ được uy tín của các bên. Trong kinh doanh, uy tín là yếu tố rất quan trọng và cũng là mục tiêu mà các doanh nghiệp luôn hướng tới, uy tín quyết định chỗ đứng và sự tồn vong của doanh nghiệp.

Thứ ba, các bên có thể tự thỏa thuận với nhau về phương thức giải quyết tranh chấp mà mình thấy phù hợp nhất cho cả hai, thương lượng, hoà giải, hay tố tụng tại Trọng tài, Toà án.

Thứ tư, giải quyết tranh chấp thương mại phải công bằng, bình đẳng với mọi chủ thể, không được phân biệt thành phần kinh tế, số vốn hay tài sản.

Thứ năm, đề cao phương thức hoà giải trong giải quyết tranh chấp thương mại, cụ thể pháp luật luôn ưu tiên các bên có thể hoà giải với nhau, hoà giải là một thủ tục bắt buộc tại Toà án, chỉ khi hoà giải không thành hay không được hoà giải hay không hoà giải được mới được đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, đến phiên toà phúc thẩm các bên vẫn có quyền hoà giải với nhau hay nguyên tắc chung là cả khi tranh tụng tại Trọng tài hay Toà án các bên đều có quyền thoả thuận với nhau vào bất kỳ lúc nào và có quyền chấm dứt tố tụng nếu hoà giải thành.

1.1.3. Vị trí của hoà giải trong hoạt động thương mại

Hiện nay các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phổ biến bao gồm: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án. Thương lượng, hoà giải và trọng tài thương mại cùng mang đặc điểm chung đó là không mang tính quyền lực nhà nước hay nói cách khác không nhân danh nhà nước như phán quyết của Toà án mà chủ yếu dựa trên sự thoả thuận của các bên. Do vậy mà thủ tục cũng đơn giản, linh hoạt hơn so với Toà án phải tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục luật định. Việc thực thi thoả thuận cũng không mang tính ràng buộc mà phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên, phán quyết trọng tài dù có cơ chế thực thi nhưng vẫn cần đến sự trợ giúp của Toà án và gây tốn kém. Trái lại, quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

• *Thương lượng*

Thương lượng có thể nói là phương thức giải quyết tranh chấp có nguồn gốc xuất hiện sớm nhất. Điều này là do từ thuở sơ khai, trong quá trình mua bán, trao đổi hàng hoá giữa con người với nhau, không thể tránh được các mâu thuẫn do sự bất đồng về giá cả, chất lượng, cách thức giao nhận,

• *Trọng tài*

Khi các biện pháp giải quyết tranh chấp “trong hoà bình” không đạt được hiệu quả, điều tất yếu cần xuất hiện một bên trung gian mà các bên tín nhiệm để phân xử “đúng, sai”. Khác với các biện pháp hoà giải và thương lượng, kết quả của việc phân xử là một quyết định mang tính ràng buộc thực hiện giữa các bên, đó cũng là đặc điểm để các bên quyết định chọn Trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp.

• *Toà án*

Khác với Trọng tài xét xử không nhân danh quyền lực nhà nước, Toà án là cơ quan quyền lực nhà nước và mang tính quyền lực nhà nước, quá trình giải quyết tranh chấp được tiến hành chặt chẽ và đầy đủ các trình tự thủ tục luật định và mọi chủ thể phải thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ, chính xác quy trình đó. Bản án Toà án nếu các bên không tự thực hiện sẽ bị cưỡng chế thi hành bằng sức mạnh nhà nước.

• *Hoà giải*

Hoà giải có thể nói là một bước tiến cao hơn của thương lượng, bởi theo quá trình phát triển tự nhiên, khi bản thân hai bên tranh chấp mặc dù đã đưa ra

lựa chọn tốt nhất có thể của mình nhằm giải quyết bất đồng nhưng vẫn không thể làm hài hoà mối quan hệ, việc tìm đến một bên thứ ba để có cái nhìn khách quan hơn là một điều tất yếu xảy ra.

1.2. Hoà giải trong hoạt động thương mại – phương thức giải quyết tranh chấp thương mại

1.2.1. Khái niệm hoà giải trong hoạt động thương mại

Khái niệm hoà giải được định nghĩa tại nhiều tài liệu khác nhau. Theo Từ điển tiếng Việt thì “Hoà giải là thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ôn hoà”. (Hoàng Phê (1997), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng)

1.2.2. Ý nghĩa của việc hoà giải trong hoạt động thương mại

Thứ nhất, hoà giải đề cao và đảm bảo yếu tố tự quyết. Trong hoà giải, các bên tranh chấp có thể nói chuyện, trao đổi, đàm phán và thảo luận về các giải pháp trong toàn bộ quá trình. Các bên có quyền tự do bày tỏ, thể hiện và bảo vệ cho quan điểm của mình.

Thứ hai, giải quyết tranh chấp bằng hoà giải có thể duy trì hoặc cải thiện mối quan hệ giữa các bên nhờ việc xem xét đến lợi ích và quan tâm thực tế của các bên. Hoà giải ít phụ thuộc vào các quy tắc, nguyên tắc, mà chủ yếu dựa vào con người.

Thứ ba, hoà giải ngoài tố tụng là phương thức hữu dụng khi các bên không lựa chọn hoà giải tại Trọng tài hay Tòa án, bởi thủ tục linh hoạt, không cứng nhắc, có thể được thỏa thuận và điều chỉnh cho thích nghi.

Thứ tư, hoà giải có ý nghĩa lớn, nó giúp giải quyết ôn hoà hay giảm thiểu những tranh chấp, bất đồng, mâu thuẫn, xích mích theo một cách tối ưu nhất bởi những ưu điểm của nó. Mặt khác, còn giúp các bên hiểu, thông cảm nhau hơn, giữ gìn, duy trì và tiếp tục phát triển mối quan hệ, môi trường làm ăn kinh doanh.

Thứ năm, hoà giải được biết đến là một biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế, trong bối cảnh Toà án đang bị quá tải với các vụ tranh chấp cần được giải quyết, hoà giải còn có ý nghĩa giảm tải khối lượng công việc lên Tòa án, tiết kiệm chi phí, vật chất, thời gian, nguồn lực cho nhà nước, xã hội, cho các tổ chức kinh tế.

Thứ sáu, hòa giải giúp tạo ra một môi trường tốt hơn cho hoạt động kinh doanh. Hoà giải luôn là biện pháp phổ biến được các bên tranh chấp lựa chọn làm phương thức giải quyết đầu tiên bởi nó làm giảm chi phí trực tiếp và gián tiếp mà các bên phải chịu trong việc thực thi các hợp đồng và giải quyết các tranh chấp.

1.3 Khái niệm, nội dung pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại

1.3.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải thương mại

Quan hệ hoà giải đã được tồn tại ở Việt Nam từ rất lâu, từ việc giải quyết những tranh chấp nhỏ mang tính dân sự cho đến các tranh chấp thương mại hay thậm chí các quan hệ mang tính hành chính. Khi đất nước ngày càng hội nhập, quan hệ kinh doanh, thương mại ngày càng phát triển, không chỉ giữa các thương nhân trong nước với nhau, mà còn giữa thương nhân trong nước với các thương nhân nước ngoài. Việc nảy sinh các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại là không thể tránh khỏi. Do đó, việc xây dựng pháp luật về hoà giải thương mại là xuất phát từ nhu cầu khách quan chứ không phải áp đặt từ phía Nhà nước.

1.3.2. Nội dung và cấu trúc pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại

Cấu trúc pháp luật về hòa giải trong hoạt động thương mại;

- Pháp luật về nội dung, là căn cứ pháp lý của việc áp dụng pháp luật khi tiến hành hòa giải, bao gồm các luật chuyên ngành như Luật Thương mại, Bộ luật lao động, Luật kinh doanh chứng khoán, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Ngân hàng, Luật Đất đai, Luật hàng không.

Kết luận chương 1

Có nhiều phương thức và loại hình giải quyết tranh chấp khác nhau để lựa chọn khi giải quyết một tranh chấp thương mại, tuy mỗi phương thức có bản chất, đặc điểm khác nhau, ưu điểm, hạn chế khác nhau nhưng tất cả đều nhằm giải quyết một cách có hiệu quả nhất, đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của các bên. Các bên được tự do lựa chọn phương thức mà các bên thấy phù hợp nhất với yêu cầu của mình. Trong đó, phương thức hoà giải là phương thức phổ biến được ưa chuộng hơn cả và đã xuất hiện từ lâu trên thế giới. Hoà giải luôn được các bên tranh chấp lựa chọn để giải quyết đầu tiên mỗi khi có tranh chấp không mong muốn phát sinh bởi những ưu điểm vượt trội của nó so với các phương thức khác.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về hoà giải trong hoạt động thương mại

Pháp luật hiện hành đã có một số quy định liên quan đến hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, những quy định này mới chỉ dừng lại ở những nguyên tắc cơ bản.

2.1.1 Hòa giải trong tố tụng

Theo pháp luật hiện hành, hòa giải có thể được tiến hành trong tố tụng tòa án và tố tụng trọng tài.

2.1.1.1 Quy định pháp luật về hòa giải trong tố tụng tòa án (Các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ Điều 205- Điều 213)

Trong tố tụng Tòa án, hòa giải được xác định như một trong những nguyên tắc nên thủ tục này là bắt buộc trừ trường hợp những vụ án không được hòa giải và không tiến hành hòa giải được.

2.1.1.2. Quy định về hòa giải trong tố tụng trọng tài

Theo quy định tại Điều 58 Luật Trọng tài thương mại, nếu các bên có yêu cầu, Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hòa giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài.

2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về phương thức hoà giải tranh chấp thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP như sau:

2.1.2.1. Phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Tranh chấp thương mại giữa các bên nếu muốn lựa chọn giải quyết bằng phương thức hoà giải phải thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định 22/2017/NĐ-CP như sau:

- Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.
- Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

- Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

2.1.2.2. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Điều kiện để tranh chấp thương mại được giải quyết thông qua hoà giải được quy định tại Điều 6, Điều 11 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, đó là các bên phải có thoả thuận hoà giải. Thoả thuận hoà giải được lập bằng văn bản, có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản hoà giải trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thoả thuận riêng và có thể được lập trước hoặc sau khi phát sinh tranh chấp hoặc bất cứ thời điểm nào trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2.1.2.3. Địa vị pháp lý của chủ thể hòa giải thương mại

Khi lựa chọn hoà giải làm phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, theo quy định tại Chương 2 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, các bên có thể lựa chọn hình thức hoà giải quy chế hoặc hoà giải vụ việc để hoà giải cho tranh chấp của mình.

2.1.2.4. Trình tự, thủ tục hoà giải thương mại làm cơ sở để các bên tranh chấp, hoà giải viên thương mại tiến hành giải quyết tranh chấp

Các bên có quyền tự do lựa chọn hoà giải viên thương mại, việc lựa chọn tuân theo quy định tại Điều 12 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, cụ thể là tương ứng với hình thức hoà giải quy chế và hoà giải vụ việc, các bên có thể lựa chọn hoà giải viên của tổ chức hoà giải thương mại hoặc hoà giải viên thương mại vụ việc.

2.1.2.5. Kết quả hòa giải tranh chấp thương mại

Theo Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, nếu các bên hoà giải thành, các bên lập văn bản về kết quả hoà giải thành. Văn bản này có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự. Trong văn bản phải ghi rõ một số nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP như căn cứ tiến hành hoà giải, thông tin cơ bản về các bên, nội dung chủ yếu của vụ việc, thoả thuận đạt được và giải pháp thực hiện, các nội dung khác theo thoả thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật và phải có chữ ký của các bên và hoà giải viên thương mại.

2.1.3. Nguyên tắc hoà giải tranh chấp thương mại

Khi giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải, các chủ thể có liên quan phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, cụ thể là các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

Thứ hai, các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

Thứ ba, nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về phương thức hoà giải tranh chấp thương mại

2.2.1. Những kết quả đạt được

Hoà giải là một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế rất phổ biến trên thế giới và cũng đã xuất hiện từ rất lâu, tuy nhiên tại Việt Nam hoạt động này chưa được điều chỉnh bởi bất kỳ thiết chế pháp luật nào.

2.2.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật về hoà giải tranh chấp thương mại và nguyên nhân

Mặc dù hoạt động hoà giải thương mại đã được luật hoá nhưng thực tế cho đến nay, sau hơn 01 năm thi hành Nghị định 22/2017/NĐ-CP, hoà giải, với tư cách là một trong các biện pháp giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng, chưa được cộng đồng, doanh nghiệp quan tâm sử dụng để giải quyết các tranh chấp thương mại bởi những nguyên nhân sau:

Nhận thức về vai trò của hoà giải còn hạn chế

Hoà giải đã xuất hiện từ lâu nhưng hoà giải theo quy định của Nghị định 22/2017/NĐ-CP còn khá mới.

Chính sách tuyên truyền hạn chế

Công tác phổ biến pháp luật không nhận được nhiều sự quan tâm của chính quyền, do vậy mà thực tế là sự hiểu biết của người dân về pháp luật rất hạn chế, chỉ trừ những vấn đề phải tiếp xúc hàng ngày, đặc biệt là pháp luật trong các lĩnh vực đặc thù.

Quy định pháp luật còn lỏng lẻo

Mặc dù Nghị định 22/2017/NĐ-CP là một bước tiến lớn trong hệ thống giải quyết tranh chấp, đưa Việt Nam tiếp cận gần hơn với thông lệ quốc tế, giúp các nhà đầu tư nước ngoài tin tưởng hơn khi lựa chọn đầu tư vào Việt Nam

Kết luận chương 2

Pháp luật về hoà giải thương mại với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại đã được luật hoá và theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP, các bên với sự giúp đỡ của hoà giải viên, tự do thể hiện ý chí của mình nhằm tìm ra một giải pháp tối ưu nhất theo một trình tự, thủ tục do các bên lựa chọn. Nghị định cũng có những quy định thể hiện những ưu điểm nổi bật của hòa giải như bảo mật thông tin, giúp bảo vệ uy tín doanh nghiệp... làm căn cứ thúc đẩy sự phát triển của phương pháp hòa giải nhằm phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Nghị định 22/2017/NĐ-CP đánh dấu bước ngoặt lớn trong công cuộc giải quyết các tranh chấp thương mại, từ đó, các doanh nghiệp Việt Nam đã có thể sử dụng công cụ hòa giải một cách dễ dàng và hiệu quả hơn nhằm giải quyết các tranh chấp thương mại một cách nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả nhất với sản phẩm nếu đạt được là kết quả hòa giải thành có giá trị bắt buộc thi hành theo quy định pháp luật.

Chương 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC HÒA GIẢI TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phương thức hòa giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về tiêu chuẩn hòa giải viên

Hoà giải thương mại đã là phương thức giải quyết tranh chấp rất phổ biến ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới và ngày càng phát triển hơn, ohá luật cũng ngày càng hoàn thiện hơn. Với thực tế chúng ta bắt đầu luật hoá phương thức này và bắt đầu áp dụng những thực tiễn đầu tiên, có thể tham khảo quy định của các quốc gia này, từ đó điều chỉnh cho phù hợp với pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Theo pháp luật của một số nước trên thế giới, tiêu chuẩn của hòa giải viên thương mại căn cứ vào các khía cạnh như: (i) Các yêu cầu tối thiểu để trở thành hòa giải viên thương mại; (ii) Tiêu chuẩn chứng nhận ví dụ: chương trình/khóa đào tạo; (iii) Các yêu cầu duy trì tiêu chuẩn²

3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về công nhận hoà giải viên thương mại

Nghị định 22/2017/NĐ-CP hiện chỉ quy định hoà giải viên quy chế sẽ do tổ chức hoà giải xem xét tiêu chuẩn, hoà giải viên vụ việc sẽ nộp hồ sơ đăng ký đến Sở Tư pháp bao gồm giấy đề nghị, bản sao bằng cấp, giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác. Quy định này vẫn còn sơ sài và chưa chuyên nghiệp. Tôi kiến nghị hoà giải viên nên được đánh giá và chứng nhận bởi một tổ chức chuyên nghiệp một cách độc lập, khách quan.

3.1.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi bảo mật trong hòa giải thương mại

Bảo mật được coi là nguyên tắc nền tảng và chính là điểm hấp dẫn của phương thức hòa giải. Thực tiễn phát triển của phương thức hòa giải trên thế giới cho thấy, chìa khóa thành công của phương thức này phụ thuộc rất nhiều vào sự cởi mở của các bên trong việc chia sẻ các thông tin liên quan đến vụ

² Tham khảo Báo cáo tổng thuật pháp luật một số nước về hòa giải thương mại của Bộ Tư pháp – Tổ biên tập Dự thảo Nghị định hòa giải thương mại ngày 29 tháng 5 năm 2015, Mục B.II.

tranh chấp. Nếu nguyên tắc bí mật trong hòa giải không được đảm bảo thì các bên khó có thể thẳng thắn trao đổi với nhau và với hòa giải viên về việc giải quyết vụ tranh chấp và quá trình hòa giải sẽ rất dễ đi đến thất bại.

3.1.4. Quy định cụ thể trình tự thủ tục hòa giải

Quy định hiện tại về thủ tục hoà giải vẫn được coi là “mở”, điều này có thể là ưu điểm khi tạo nên cơ chế linh hoạt, chủ động, tiết kiệm thời gian nhưng cũng cho thấy sự thiếu chuyên nghiệp và đôi khi gây ra lúng túng khi áp dụng.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phương thức hòa giải trong hoạt động thương mại ở Việt Nam

3.2.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ hoà giải viên đạt chuẩn về số lượng và chất lượng

Nâng cao chất lượng song hành với phát triển số lượng hoà giải viên theo hướng giỏi về trình độ chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp, giàu kinh nghiệm thực tiễn, các cá nhân có thời gian dài hoạt động trong lĩnh vực thương mại, muốn trở thành hoà giải viên buộc phải tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải với thời gian nhất định.

3.2.2. Tăng khả năng tiếp cận hoà giải các tranh chấp kinh doanh thương mại

Sẽ hữu ích nếu chủ thể tranh chấp có khả năng tiếp cận về hoà giải thông qua hệ thống tòa án, trọng tài thương mại cũng như thông qua khu vực tư nhân và các loại hình khác. Phương thức tiếp cận đa hướng như vậy sẽ có tác dụng lớn trong việc tăng nhận thức về hoà giải và cũng thu hút nhiều đối tượng hơn sử dụng phương thức này.

3.2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về hòa giải thương mại hiện nay

Tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua hình thức truyền hình, tại các chương trình chính sách pháp luật, thời sự để phổ biến đến rộng rãi người dân.

Hình thức khác cũng phổ biến đó là thông qua phát thanh tại các điểm đặt loa phát thanh về chính sách, đây cũng là một kênh tuyên truyền có hiệu quả bởi người đi đường khi tham gia giao thông, trong lúc dừng lại chờ có thể nghe được và tiếp nhận thêm được kiến thức mới.

3.2.4. Tổ chức các cuộc thi tuyên truyền pháp luật về hòa giải thương mại

Tổ chức các cuộc thi tuyên truyền pháp luật về hòa giải thương mại như các cuộc thi vẫn được tổ chức phát động tại cơ sở xã, phường, thị trấn, tổ khu phố như tìm hiểu về chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp, các phương thức giải quyết tranh chấp hiện hành hay cụ thể hơn là tìm hiểu về hoạt động hoà giải các tranh chấp thương mại.³

7. Luận văn “*Pháp luật hoà giải tranh chấp kinh doanh thương mại ở Việt Nam*” năm 2014 của tác giả Phạm Lê Mai Ly – Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Mục 3.3.4.2

Kết luận chương 3

Để giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại bằng biện pháp hòa giải luôn là lựa chọn hàng đầu tối ưu nhất, mang lại được nhiều lợi ích nhất cho các bên, góp phần thúc đẩy đầu tư, giao thương kinh tế, tạo môi trường đầu tư công bằng cho các bên cùng phát triển. Luận văn đưa ra một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao hệ thống giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải. Hoà giải là một phương thức mới mẻ và do vậy cần hoàn thiện để đưa phương thức này phổ biến rộng rãi đến mọi chủ thể trong toàn xã hội như xây dựng quy định pháp luật về tiêu chuẩn và công nhận hoà giải viên, phạm vi bảo mật khi hoà giải, đồng thời tuyên truyền về hoà giải thương mại theo nhiều hình thức. Trên cơ sở nhận thức về lợi ích của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải, Nhà nước sẽ khuyến khích được các bên sử dụng phương thức hoà giải để giải quyết tranh chấp thương mại, giúp phương thức này ngày càng phổ biến hơn.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa nước ta ngày càng lớn mạnh, và ngày càng có uy tín trong khu vực và trên thế giới, chúng ta đang dần khẳng định vị thế của mình trên trường khu vực và rộng hơn là trường quốc tế. Tuy nhiên, quy luật chung là càng phát triển thì càng nhiều bất đồng, mâu thuẫn nảy sinh, kéo theo hệ quả tất yếu là tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp là điều khó tránh khỏi. Khi có tranh chấp thương mại phát sinh thì buộc phải giải quyết, nếu không thương lượng hay hòa giải được thì các bên buộc phải mang ra Tòa án, Trọng tài. Đi kèm với đó là những phát sinh mà không bên nào muốn như tổn thất về tiền bạc, mối quan hệ kinh doanh, thời gian, uy tín, bí mật kinh doanh của mình. Bởi vậy việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng biện pháp hòa giải sẽ là lựa chọn tối ưu để các bên lựa chọn đàm phán giải quyết. Pháp luật hiện hành đã có bước đột phá mới trong việc đưa hoạt động hoà giải vào luật hoá cũng như quy định về công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án, qua đó đã mở ra một kênh giải quyết tranh chấp mới phù hợp với thông lệ quốc tế, có nhiều ưu điểm như thủ tục đơn giản, linh hoạt, nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian, chi phí. Các bên có cơ hội lựa chọn một quy trình phù hợp, tránh những thủ tục pháp lý phức tạp như trước đây khi chỉ có lựa chọn tại Trọng tài hay Tòa án. Hơn nữa, thông qua hòa giải, các bên có điều kiện thể hiện thiện chí, hiểu và thông cảm cho nhau hơn, từ đó tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ kinh doanh. Bí mật thông tin của các bên cũng được đảm bảo giữ kín, điều này góp phần giữ uy tín cho doanh nghiệp và hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực nếu có qua việc tranh chấp. Mặc dù vậy, vẫn luôn cần không ngừng hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện, đảm bảo lợi ích tối đa nhất cho các doanh nghiệp trong nước phát triển và cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài bằng cách hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật hỗ trợ tối ưu cho doanh nghiệp khi xảy ra tranh chấp thương mại, kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế ngày càng phát triển và lớn mạnh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Danh mục các văn bản pháp luật

1. Hiến pháp 2013
2. BLDS 2015
3. BLTTDS 2015
4. Luật trọng tài thương mại 2010
5. Luật thương mại 2005
6. Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 về hòa giải thương mại,
7. Luật công chứng 2014
8. Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 20 tháng 03 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại

B. Các công trình nghiên cứu khoa học khác

9. Bộ Tư pháp (2015), Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp về dự thảo Nghị định về hoà giải thương mại, 10/11/2015.
10. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo tổng thuật pháp luật một số nước về hoà giải thương mại*, 29/5/2015
11. Bộ Chính Trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020
12. Bộ Chính Trị, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp
13. Bộ Tư pháp (2016), Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định về hoà giải thương mại số 02/TTr-BTP ngày 26 tháng 01 năm 2016
14. Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học, Nxb Từ điển Bách Khoa, Nxb Tư Pháp.
15. Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật thương mại- Tập 2, Nxb. Tư Pháp.
16. Ngô Quốc Hoàng Long , luận văn cao học “Pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam”; Đại học Huế, Đại học luật, 2019; Trong công trình nghiên cứu này tác giả đã trình bày và phân tích các quy định hiện nay về hòa giải thương mại của Việt Nam

17. Nguyễn Bích Thảo, *Thế chế hòa giải ở Singapore* Tạp chí dân chủ và pháp luật số chuyên đề về Thế chế hòa giải 9/2014; Trong bài viết của mình tác giả đã nêu khái quát một cách có hệ thống các quy định về hòa giải thương mại hiện nay của Singapore qua đó rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam mình
18. Phan Thị Thanh Thủy (2016), *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý cần quan tâm*, Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội Legal Studies Vol 32 No.2; Trong bài báo này tác giả đã khái quát lại các quy định liên quan đến hòa giải thung mại của pháp luật Việt Nam được quy định trong BLDS, Luật thương mại, Luật Trọng Tài thương mại, BLTTDS.
19. Lê Hồng Hạnh (chủ nhiệm) (2010), Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý.
20. Lê Thị Hoàng Thanh (2012), Chuyên đề “Hoàn thiện cơ chế hoà giải ở Việt Nam, bài học từ kinh nghiệm các nước”, Thông tin Khoa học pháp lý, Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, (Số 9&10/2012).
21. Ngô Tất viễn (2012), Thế chế hoà giải ở Việt Nam- Những vấn đề lịch sử và đương đại, Đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước.
22. Nguyễn Ngọc Lâm (2010), Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Dung (2017), Luật kinh tế chuyên khảo, Nxb, Lao động, Hà Nội
24. Nhà pháp luật Việt- Pháp (2010), Tuyển tập một số văn bản về trọng tài và hoà giải thương mại, Nhà xuất bản từ điển Bách khoa.
25. Phạm Duy Nghĩa (2010), Giáo trình Luật kinh tế, Nxb. Công an nhân dân (tái bản lần thứ năm).
26. Toà án nhân dân Tối cao Việt Nam, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2014), “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam- Báo cáo kết quả về khảo sát thực tiễn kết quả hoà giải tại Toà án”, Báo cáo kết quả khảo sát về thực tiễn hoà giải tại Toà án, Hà Nội.

C. Các bài đăng trên các tạp chí

27. Tính bảo mật trong hoà giải thương mại, Tạp chí toà án nhân dân điện tử, tại địa chỉ http://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/tinh-bao-mat-trong-hoa-giai-thuong-mai#_ftn1 (truy cập ngày 25/04/2018)
28. Phạm Ngọc Anh, Mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế theo quan điểm Hồ Chí Minh, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, tại địa chỉ http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010087/0/33738/Mo_rong_hop_ta_c_kinh_te_quoc_te_theo_quan_diem_Ho_Chi_Minh (truy cập ngày 25/4/2020)
29. Nguyễn Thị Minh (2012), Hoà giải thương mại- Thực trạng hoạt động và xu hướng phát triển tại Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp, Số chuyên đề Pháp luật về hoà giải /2012.
30. Nguyễn Bích Thảo (2010), Hiệu lực của thoả thuận trong hoà giải tranh chấp thương mại, Tạp Chí Dân chủ và pháp luật, Số 8(221)/2010.
31. Lê Văn Toan (2015), Những đặc trưng của văn hoá Việt Nam Tạp chí Lý luận chính trị, số 7-2015.
32. Nguyễn Thị Dung, Lê Hương Giang (2011), Bình luận một số nội dung mới trong Luật trọng tài thương mại năm 2010, Tạp chí Luật học, số 6/2011.
33. Nguyễn Bá Bình, Nguyễn Anh Thơ (2015), Pháp luật về hoà giải thương mại và một số khuyến nghị hoàn thiện, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Số 3+4 (283+284), tháng 2/2015.
34. Nguyễn Bích Thảo (2009), Hoà giải tranh chấp kinh doanh, thương mại – Kinh nghiệm quốc tế và một số gợi mở đối với Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 7 (255)/2009.
35. Hoàng Minh Khôi, Hoàng Bảo Ngọc (2015), Vấn đề bảo mật trong hoà giải thương mại ngoài Toà án, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (304) T12/2015.

D. Website

36. General Assembly Adopts the United Nations Convention on International Settlement Agreements Resulting from Mediation, <https://uncitral.un.org/en/news/general-assembly-adopts-united-nations-convention-international-settlement-agreements-resulting>

37. Thống kê tình hình giải quyết tranh chấp năm 2015 tại VIAC, tại địa chỉ <http://viac.vn/thong-ke/thong-ke-tinh-hinh-giai-quyet-tranh-chap-nam-2015-tai-viac-a170.html> (truy cập ngày 10/03/2018)
38. Trang hỗ trợ tư pháp - Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (<http://www.moj.gov.vn/bttp>)